

Bản án số: **239/2021/HS-ST**

Ngày: 14/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phụng

2. Ông Lê Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nông Thị N - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1953 tại TH; Nơi cư trú: Xóm B, xã Y, huyện P, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/10; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông Nông Đức H và con bà Ngô Thị P (đều đã chết); Bị cáo có chồng là Nguyễn Đình H1 (đã chết), có 01 con sinh năm 1977 (đã chết); Tiền sự: Không.

Tiền án:

+ Tại bản án số 53/2009/HSST ngày 25/6/2009 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh TH áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS - xử phạt bị cáo 06 năm tù và phạt bổ sung 7.000.000đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. *BC kháng cáo.* Tại bản án số 231/2009/HSPT ngày 26/8/2009 Tòa án nhân dân tỉnh TH áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với bản án bản án số 18/2009/HSST ngày 26/5/2009, xử phạt bị cáo 06 năm 09 tháng tù. Chịu án phí HSPT 200.000đ. Ra trại ngày 12/11/2013. Xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh TH không có hồ sơ thi hành án đối với bản án số 53/2009/HSST của

Tòa án nhân dân huyện P ngày 25/6/2009 và bản án số 231/2009/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh TH ngày 26/8/2009.

Nhân thân: 02

+ Tại bản án số 169/2001/HSST ngày 22/11/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh TH xử phạt 07 năm tù và phạt bổ sung 5.000.000đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 18/5/2007. Nộp án phí ngày 13/3/2014. Ngày 11/9/2014 Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh TH ra Quyết định đình chỉ thi hành án đối với số tiền phạt.

+ Tại bản án số 18/2009/HSST ngày 26/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 16/9/2014 Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh TH ra Quyết định đình chỉ thi hành án đối với khoản tiền án phí và tiền phạt.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH, bị bắt từ ngày 02/7/2020 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Tràng Văn T - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989 tại B; Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện C, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông Tràng Văn N1, sinh năm 1964 và con bà Phạm Thị L, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH, bị bắt từ ngày 02/7/2020 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1973 - trú tại tổ X, phường Đ, thành phố TH *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- *Người chứng kiến:*

1. Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1959 - trú tại tổ Z, phường P, thành phố TH *(Vắng mặt)*

2. Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1981 - trú tại tổ 09, phường Đ, thành phố TH *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 05 giờ 00 phút ngày 02/7/2020, tổ công tác của phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh TH làm nhiệm vụ tại khu vực cổng số 02 Bệnh viện đa khoa Trung Ương TH thuộc khu vực tổ Z, phường P, thành phố TH đã phát hiện 01 nam thanh niên và 01 người phụ nữ có biểu hiện liên quan đến ma túy. Tổ công tác đã yêu cầu kiểm tra, người phụ nữ khai tên là Nông Thị N, sinh năm 1953 trú tại xóm B, xã Y, huyện P, tỉnh TH. Qua kiểm tra, N tự giác lấy từ túi quần bên phải đang mặc 01 gói nilon màu trắng bên trong có 04 gói giấy bạc màu vàng bên trong đều chứa chất bột màu trắng. N khai là Heroine cất giấu để bán kiếm lời.

Tiến hành kiểm tra nam thanh niên khai tên Trảng Văn T, sinh năm 1989 trú tại thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh B, đồng thời T tự giác giao nộp cho tổ công tác 03 gói giấy bạc màu vàng bên trong đều chứa chất bột màu trắng, T khai là Heroine vừa mua được của Nông Thị N với giá 600.000đ để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng theo quy định. Ngoài ra còn thu giữ của N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung vỏ màu xanh và số tiền 2.300.000đ, tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng và 01 xe mô tô BKS 20H5 – 39xx. Sau đó phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh TH bàn giao N và T cùng toàn bộ vật chứng liên quan cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được, hồi 15 giờ 40 phút ngày 02/7/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật tại tổ N, phường Đ, thành phố TH là nơi Nông Thị N thuê trọ. Kết quả khám xét không phát hiện thu giữ gì.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH tiến hành mở niêm phong và cân xác định khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Nông Thị N có khối lượng 0,675gam và lấy toàn bộ niêm phong vào bì ký hiệu A gửi giám định; Cân xác định khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Trảng Văn T có khối lượng 0,507gam và lấy toàn bộ niêm phong vào bì ký hiệu B gửi giám định.

Kết luận giám định số 926/KL- KTHS ngày 15/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH kết luận: Khối lượng chất bột màu trắng thu giữ ban đầu của Nông Thị N là 0,675gam; Khối lượng chất bột màu trắng thu giữ ban đầu của Trảng Văn T là 0,507gam.

Kết luận giám định số 4311/C09 –TT2 ngày 10/7/2020 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an kết luận: Mẫu chất bột màu trắng, ký hiệu A và B gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

Tại cơ quan điều tra, Nông Thị N và Trảng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ.

Vật chứng của vụ án:

+ 01 bì niêm phong số 4311/C09 (TT2) bên trong chứa mẫu ma túy hoàn trả sau giám định.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka màu nâu BKS 20H5 -39xx.

+ 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng đã qua sử dụng; 01(một) điện thoại di động SamSung vỏ màu xanh, đã qua sử dụng.

+ Số tiền 2.300.000(Hai triệu ba trăm nghìn đồng) thu giữ của Nông Thị N.

Tại phiên tòa, Nông Thị N và Trảng Văn T khai nhận: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 01/7/2020, Nông Thị N đi từ nhà trọ ở tổ N, phường Đ, thành phố TH đến khu vực bến xe khách TH với mục đích mua ma túy về bán kiếm lời. Khi đến nơi N gặp và mua của 01 người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy là Heroine với giá 700.000đ. Sau khi mua được ma túy, N về phòng trọ rồi chia gói Heroine vừa mua được ra thành 07 gói nhỏ đều được gói bằng giấy bạc màu vàng. Đến 05 giờ 15 phút ngày 02/7/2020, N mang 07 gói Heroine trên đến khu vực cổng số 02 Bệnh viện Đa khoa Trung ương TH thuộc tổ Z, phường P với mục đích ai hỏi mua thì bán kiếm lời. Đến nơi N gặp Trảng Văn T đi xe mô tô BKS 20H5 -39xx đến, T hỏi mua ma túy mục đích sử dụng cho bản thân, N bảo có và đồng ý bán cho T 03 gói ma túy với giá 600.000đ. Khi T đưa tiền cho N và nhận được 03 gói ma túy từ N đưa thì bị tổ công tác Công an tỉnh TH phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Bản Cáo trạng số 514/CT -VKSTPTN ngày 20 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Nông Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS, truy tố bị cáo Trảng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS .

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nông Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Trảng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nông Thị N từ 42 đến 48 tháng tù. Phạt bổ sung từ 07 đến 10 triệu đồng.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trảng Văn T từ 24 đến 30 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- + Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong số 4311/C09 (TT2)
- + Tịch thu số tiền 600.000đ của bị cáo Nông Thị N và 02 chiếc điện thoại di động của các bị cáo nộp Ngân sách Nhà nước.
- + Tạm giữ số tiền 1.700.000đ của bị cáo N để đảm bảo thi hành án.
- + Trả lại cho anh H2 chiếc xe mô tô BKS 20H5 -39xx.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong, biên bản mở niêm phong cân khối lượng, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận giám định. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân, ngày 01/7/2020 tại khu vực bến xe khách TH, Nông Thị N mua 01 gói Heroine có khối lượng 1,182gam với giá 700.000đ về chia ra thành 07 gói nhỏ đều được gói bằng giấy bạc màu vàng mục đích đem bán kiếm lời. Đến 05 giờ 15 phút ngày 02/7/2020, tại cổng số 2 Bệnh viện Đa khoa Trung ương TH thuộc tổ Z, phường P, Nông Thị N đã bán cho Trảng Văn T 03 gói Heroine khối lượng 0,507gam với giá 600.000đ để T sử dụng cho bản thân, còn 04 gói ma túy có khối lượng 0,675gam N cất giấu ở túi quần bên phải đang mặc để bán thì bị tổ công tác của phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh TH phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Các bản án xét xử vào năm 2009 (bản án số 53/2009/HSST ngày 25/6/2009, bản án số 231/2009/HSPT ngày 26/8/2009) xác định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh TH không có hồ sơ thi hành án dân sự đối với bản án số 53/2009/HSST ngày 25/6/2009 và bản án số 231/2009/HSPT ngày 26/8/2009 của bị cáo Nông Thị N. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N xác định bị cáo biết phải nộp tiền phạt bổ sung và tiền án phí nhưng bị cáo không có tiền để nộp, do đó các bản án trên chưa được xóa án tích theo Điều 70 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS thì hành vi phạm tội lần này của bị cáo Nông Thị N thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS là chưa phù hợp.

Hội đồng xét xử xác định hành vi nêu trên của Nông Thị N phạm vào tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Trảng Văn T phạm vào tội: “*Tàng trữ*

trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều 249 quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a, b...

c, Heroine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05gam."

Nội dung Điều 251 quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

q, Tái phạm nguy hiểm"

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi tệ nạn ma túy đang là hiểm họa của các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới, là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác. Hậu quả do ma túy gây ra không chỉ làm suy kiệt kinh tế và sức lao động mà nó còn có thể làm hạn chế hoặc mất đi khả năng điều khiển hành vi của con người, khiến cho nhiều gia đình rơi vào hoàn cảnh khánh kiệt, bần cùng. Hành vi của các bị cáo còn xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải xét xử các bị cáo với mức án nghiêm khắc phù hợp với hành vi các bị cáo gây ra, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Nông Thị N có nhân thân rất xấu, đã bị Tòa án xét xử nhiều lần trong đó có hai lần bị xét xử về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật. Nhưng vì lòng tham, lười lao động muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo Trảng Văn T không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc mức hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nông Thị N khai mục đích mua ma túy về để bán kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Bị cáo Trảng Văn T là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T.

[6] Vật chứng của vụ án:

+ Cần tịch thu tiêu hủy 01(một) bì niêm phong số 4311/C09 (TT2) bên trong chứa ma túy và vỏ bao gói mẫu. Mặt sau có chữ ký của Đỗ Thị H, Bàng Văn T và các dấu của Viện Khoa học hình sự – Bộ công an.

+ 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka BKS 20H5 -39xx. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1973 – trú tại tổ 09, phường Đồng Quang, thành phố TH. Khi T lấy chiếc xe mô tô trên đi mua ma túy anh H2 không biết, cần trả lại chiếc xe trên cho anh H2 là phù hợp.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trảng Văn T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung vỏ màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nông Thị N, xác định các bị cáo sử dụng vào việc mua bán ma túy nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) là số tiền thu lời bất chính của bị cáo Nông Thị N nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Tạm giữ số tiền 1.700.000đ (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*) của Nông Thị N để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về nguồn gốc số Heroine bị thu giữ, Nông Thị N khai mua của một nam thanh niên không quen biết ở khu vực bến xe khách TH. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ.

Đối với anh Nguyễn Văn H2 là người cho Trảng Văn T mượn xe mô tô, nhưng anh H2 không biết T sử dụng vào việc đi mua ma túy, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh H2 là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nông Thị N phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Bị cáo Trảng Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

1. Về áp dụng điều luật và mức hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nông Thị N 07(Bảy) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2020. Phạt tiền bị cáo 07 (Bảy) triệu đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trảng Văn T 30(Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy 01(một) bì niêm phong số 4311/C09 (TT2) bên trong chứa ma túy và vỏ bao gói mẫu. Mặt sau có chữ ký của Đỗ Thị H, Bàng Văn T và các dấu của Viện Khoa học hình sự – Bộ Công an.

2.2. Tịch thu số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) của bị cáo Nông Thị N nộp Ngân sách Nhà nước.

2.3. Trả cho anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1973 – trú tại tổ 09, phường Đ, thành phố TH 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka, sơn màu nâu, biển kiểm soát 20H5 -39xx, số khung VLKPCGD12LK049465, số máy VLKZS150FMG2000049465, xe đã qua sử dụng, số loại 100, dung tích xilanh 97.

2.4. Tịch thu 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng số Imei (theo vỏ máy) 352000068706211, số Imei (theo trong máy) 352006062427571, màn hình bị vỡ thu giữ của bị cáo Trảng Văn T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, số Imei 1: 356646102219599, số Imei 2: 356647102219597 thu giữ của bị cáo Nông Thị N nộp Ngân sách Nhà nước.

2.5 Tạm giữ số tiền 1.700.000đ (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*) của bị cáo Nông Thị N để đảm bảo thi hành án.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 71 ngày 02/11/2020 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH và Ủy nhiệm chi số 91 ngày 09/10/2020*).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nông Thị N, Trảng Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS TP. TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

